TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **76**/2025/HS-ST
Ngày: 08/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nữa.

Ông Lâm Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Thông báo về việc dời phiên tòa hình sự sơ thẩm số: 01/2025/HSST-TB ngày 03 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Thanh T; Sinh ngày: 02/9/1990; Tại: Tỉnh Cà Mau; Hộ khẩu thường trú: BBC Lô E, chung cư NTT, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 10/02/2025 chuyển hộ khẩu về địa chỉ: BDH đường TL, phường BTĐ B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 248 đường Tên Lửa, khu phố 12, phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: BDH đường TL, phường BTĐ B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là BID đường TL, khu phố AB, phường AL, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn C và bà: Trương Thị B; Có chồng: Bị cáo khai chồng tên là Lý Hữu N (đã ly hôn) và con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh ngày 27/7/2025; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh T:

Bà Lê Nguyễn Quỳnh Thi - Luật sư Văn phòng Luật sư Quỳnh Thi thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Đăng K; Sinh năm: 1984; Thường trú: 0D đường PT, phường PT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận (nay là 0D đường PT, phường PT, tỉnh Lâm Đồng); Chỗ ở: AFI/BBA đường BĐ, Phường B (Phường O cũ), quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là AFI/BBA đường BĐ, phường GĐ, Thành phố Hồ Chí Minh).

(có Đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/12/2024, ông Nguyễn Đăng K đến Công an Thành phố Hồ Chí Minh tố cáo hành vi cho vay tiền với lãi suất cao của Trần Thanh T.

Qua điều tra xác định được như sau: Ông Nguyễn Đăng K và Trần Thanh T là bạn bè quen biết với nhau. Do cần tiền bổ sung vốn kinh doanh, ông K đã nhiều lần hỏi vay tiền của T. Từ tháng 7/2017 đến tháng 8/2018, ông K đã vay tiền của T tổng cộng 13 lần, trong đó số tiền cho vay thấp nhất là 15.000.000 đồng, số tiền cho vay nhiều nhất là 150.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm), hình thức vay «tiền đứng» (trả tiền lãi, nợ tiền gốc) và cả 13 lần vay tiền này, ông K đều đến gặp T tại địa chỉ GE Cư xá PL D, Phường J, Quận F nhận tiền. Hình thức thanh toán: Hàng tháng tùy theo thời hạn trả lãi của từng khoản vay, ông K sử dụng các tài khoản của ông mở tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (số tài khoản 0441000647604), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (số tài khoản 18010000180296), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (số tài khoản 0101786373), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (số tài khoản 060073796054) để chuyển tiền lãi cho T thông qua các tài khoản của T mở tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (số tài khoản 14922416), Ngân hàng Thương mại Cổ phần kỹ thương Việt Nam (tài khoản số 19035428758012) hoặc thông qua ví điện tử của T, cũng có khi ông K đến gặp trực tiếp đưa tiền lãi cho T. Cụ thể:

Lần vay thứ 1: Ngày 15/7/2017, ông K vay số tiền 30.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 3.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 44 tháng, tương đương số tiền 132.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 22.000.000 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 110.000.000 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 30.000.000 đồng.

Lần vay thứ 2: Ngày 23/7/2017, ông K vay số tiền 100.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 10.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 44 tháng, tương đương số tiền 440.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 73.333.333 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 366.666.667 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 100.000.000 đồng.

Lần vay thứ 3: Ngày 26/7/2017, ông K vay số tiền 50.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 5.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 44 tháng, tương đương số tiền 220.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 36.666.667 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 183.333.333 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 50.000.000 đồng.

Lần vay thứ 4: Ngày 30/9/2017, ông K vay số tiền 50.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 5.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 42 tháng, tương đương số tiền 210.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 35.000.000 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 175.000.000 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 50.000.000 đồng.

Lần vay thứ 5: Ngày 01/10/2017, ông K vay số tiền 50.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 5.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 41 tháng, tương đương số tiền 205.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 34.166.667 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 170.833.333 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 50.000.000 đồng.

Lần vay thứ 6: Ngày 02/02/2018, ông K vay số tiền 50.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 5.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 37 tháng, tương đương số tiền 185.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 30.833.333 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 154.166.667 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 50.000.000 đồng.

Lần vay thứ 7: Ngày 10/02/2018, ông K vay số tiền 100.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 10.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 37 tháng, tương đương số tiền 370.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 61.666.667 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 308.333.333 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 100.000.000 đồng.

Lần vay thứ 8: Ngày 11/3/2018, ông K vay số tiền 70.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 7.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 36 tháng, tương đương số tiền 252.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 42.000.000 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 210.000.000 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 70.000.000 đồng.

Lần vay thứ 9: Ngày 14/4/2018, ông K vay số tiền 100.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 10.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 35 tháng, tương đương số tiền 350.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 58.333.333 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 291.666.667 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 100.000.000 đồng.

Lần vay thứ 10: Ngày 17/6/2018, ông K vay số tiền 15.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 1.500.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 33 tháng, tương đương số tiền 49.500.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 8.250.000 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 41.250.000 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 15.000.000 đồng.

Lần vay thứ 11: Ngày 19/7/2018, ông K vay số tiền 90.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 9.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 32 tháng, tương đương số tiền 288.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 48.000.000 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 240.000.000 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 90.000.000 đồng.

Lần vay thứ 12: Ngày 20/8/2018, ông K vay số tiền 150.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 15.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 31 tháng, tương đương số tiền 465.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 77.500.000 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 387.500.000 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 150.000.000 đồng.

Lần vay thứ 13: Ngày 27/8/2018, ông K vay số tiền 114.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 11.400.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến tháng 3/2021, ông K đã trả tiền lãi được 31 tháng, tương đương số tiền 353.400.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 58.900.000 đồng). T thu lợi bất chính số tiền 294.500.000 đồng. Ông K còn nợ số tiền vay 114.000.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2017 đến ngày 27/8/2018, T đã cho ông K vay 13 lần với tổng số tiền vay là 969.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được là 3.519.900.000 đồng (trong đó, tiền lãi hợp pháp là 586.650.000 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 2.933.250.000 đồng). Tuy nhiên, trong 13 khoản vay trên có 05 khoản vay vào các ngày 15/7/2017, 23/7/2017, 26/7/2017, 30/9/2017, 01/10/2017 với tổng số tiền 280.000.000 đồng, là các khoản cho vay trước ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật) và tổng số tiền lãi đã thu của 05 hợp đồng vay này là 128.333.333 đồng, chưa vượt quá mức lãi suất «cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định từ mười lần trở lên, có tính chất chuyên bóc lột» theo quy định tại Điều 163 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không quy kết T thu lợi bất chính đối với 05 khoản vay trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2017 đến ngày 01/10/2017 mà chỉ quy kết số tiền thu lợi bất chính của T đối với 08 khoản vay từ ngày 02/02/2018 đến ngày 27/8/2018, với tổng số tiền lãi là 3.391.566.667 đồng (trong đó, tiền lãi hợp pháp là 565.261.111 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.826.305.556 đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành cho ông Nguyễn Đăng K nhận dạng người qua hình ảnh và ông K xác định Trần Thanh T chính là người đã cho ông vay tiền với lãi suất cao (phù hợp lời khai và nhận dạng người qua hình ảnh của Trần Thanh T).

Tiến hành khám xét nơi ở của Trần Thanh T tại nhà số BID đường TL, phường BTĐ B, quận BT, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ 02 cuốn sổ liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 1072/QĐ-CSHS-Đ6); khởi tố bị can đối với Trần Thanh T về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» (Quyết định số: 1543/QĐ-CSHS-Đ6).

Tại Cáo trạng số: 508/CT-VKS-P2 ngày 21 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Thanh T khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng như nội dung bản cáo trạng nêu. Bị cáo xác nhận tổng số tiền mà bị cáo bỏ ra để cho ông Nguyễn Đăng K vay trong khoảng thời gian từ 7/2017 đến tháng 8/2018 là 969.000.000 đồng, với mức lãi suất là 10%/tháng (mức lãi suất này là do ông K tự đưa ra khi hỏi vay tiền của bị cáo) và bị cáo đã nhận tiền lãi của ông K từ 7/2017 đến tháng 3/2021 tổng cộng là 3.519.900.000 đồng, ông K chưa trả số tiền 969.000.000 đồng mà ông đã vay cho bị cáo. Bị cáo xác nhận lời khai của bị cáo tại Biên bản hỏi cung ngày 23/5/2025 (bút lục từ số 754 đến số 755) được Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa là chính xác, đúng với toàn bộ diễn biến sự việc diễn ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thanh T như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần Thanh T từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» theo khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm i, điểm n, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Trần Thanh T nộp lại 2.826.305.556 đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng mà bị cáo thực tế đã thu của ông K để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc ông Nguyễn Đăng K nộp lại 969.000.000 đồng, là số tiền mà ông K đã vay chưa thanh toán cho bị cáo Trần Thanh T để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Tạm giữ lại số tiền 250.000.000 đồng mà bị cáo Trần Thanh T đã nộp theo Giấy nộp tiền ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo nghĩa vụ của bị cáo.

Đối với 02 cuốn sổ tay, bên trong lưu thông tin liên quan đến việc cho vay tiền của bị cáo Trần Thanh T, là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh T đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên,

người bào chữa cho rằng mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là cao, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự «Phạm tội 02 lần trở lên» đối với bị cáo, vì các lần phạm tội của bị cáo đã được tính để định khung hình phạt, nên trường hợp này không được coi là tình tiết tăng nặng. Ngoài ra, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình hiện đang nuôi 03 con nhỏ để cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Và sau khi phân tích về nguyên nhân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, về nhân thân, hoàn cảnh gia đình, điều kiện kinh tế của bị cáo, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền và xem xét giảm nhẹ mức phạt tiền cho bị cáo đến dưới mức đề nghị thấp nhất của Viện kiểm sát, nhằm thể hiện sự Kn hồng của pháp luật và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đồng ý áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Thanh T và đồng ý cấn trừ 250.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện khắc phục vào khoản tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng mà bị cáo có nghĩa vụ nộp lại theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát vẫn bảo lưu lời luận tội và mức hình phạt đối với các bị cáo; người bào chữa bảo lưu lời bào chữa.

Lời nói sau cùng, bị cáo Trần Thanh T nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất, bị cáo hứa sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đăng K có Đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của ông K không ảnh hưởng, không gây trở ngại gì đến việc giải quyết vụ án. Mặt khác, ông K cũng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành

xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật tố tụng hình sự).

[3] Đối chiếu lời khai của bị cáo Trần Thanh T tại phiên tòa với Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Sao kê tài khoản của bị cáo do các Ngân hàng ACB, Techcombank cung cấp; Sao kê tài khoản của ông Nguyễn Đăng K do các Ngân hàng Vietcombank, BIDV, DongA Bank, Sacombank cung cấp; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đăng K và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2017 đến ngày 27/8/2018, bị cáo Trần Thanh T đã có hành vi cho ông Nguyễn Đăng K vay tiền với tổng số tiền vay (tiền gốc) là 969.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được trong khoảng thời gian từ ngày 02/02/2018 đến ngày 27/8/2018 là 3.391.566.667 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 120%/năm - vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm), trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) là 565.261.111 đồng; tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng (tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm) là 2.826.305.556 đồng. Hành vi của bị cáo Trần Thanh T không những xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, tài chính ngân hàng, kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương mà còn xâm phạm lợi ích của công dân, làm cho người vay tiền có thể lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» thuộc trường hợp «Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên» theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025 (gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Thanh T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, bị nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì động cơ vụ lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, lợi dụng lúc ông K có nhu cầu vay tiền, bị cáo đã cố tình cho vay với mức lãi suất cao vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định trong các lần bị cáo Trần Thanh T cho ông Nguyễn Đăng K vay tiền và thu lãi vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, có nhiều lần số tiền thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp «Phạm

tội 02 lần trở lên» theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Cũng chính vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời bào chữa của người bào chữa khi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự «Phạm tội 02 lần trở lên» đối với bị cáo.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thanh T, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả (nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước); phạm tội trong thời gian mang thai (theo Kết quả chẩn đoán siêu âm của Bệnh viện Quốc tế City có 01 phôi thai trong tử cung giai đoạn sớm), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm n, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Và xét bị cáo tuy phạm tội nhiều lần, nhưng mỗi lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), là lao động chính trong gia đình, hiện đang chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con còn nhỏ (trong đó có 01 người con mới hơn 01 tháng tuổi); ngoài lần phạm tội này bị cáo không có vi phạm pháp luật nào khác; thời gian sinh sống ở địa phương, bị cáo đã không gây nguy hại, luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm. Mặt khác, bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm; bị cáo chỉ cho 01 người vay lãi nặng là ông Nguyễn Đăng K và giữa bị cáo với ông K là mối quan hệ bạn bè, cũng chính ông K là người gợi ý mức lãi suất 10%/tháng, bị cáo vì nhất thời hám lợi đã đồng ý cho ông K vay tiền với mức lãi suất trên mà phạm tội. Qua xem xét, đánh giá toàn diện hồ sơ vụ án, hoàn cảnh gia đình, điều kiện kinh tế của bị cáo (tại phiên tòa, bị cáo nộp cho Hội đồng xét xử Giấy xác nhận số dư tài khoản của bị cáo do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu cung cấp để chứng minh tình hình tài chính của bị cáo), nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện được sự Kn hồng của pháp luật, giúp Nhà nước giảm chi phí trong công tác thi hành án phạt tù tại các trại giam, cũng là tạo điều kiện để bị cáo có cơ hội được chăm sóc các con và sửa chữa những sai lầm đã phạm phải.

[6] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận một phần quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và một phần lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Trần Thanh T còn có thể bị phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, do Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt tiền là

hình phạt chính đối với bị cáo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp:

[8.1] Tổng số tiền lãi mà bị cáo Trần Thanh T đã nhận của ông Nguyễn Đăng K theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) là 565.261.111 đồng. Số tiền này tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng xét đây cũng là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội, do đó Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung, nộp vào ngân sách nhà nước. Cấn trừ 250.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện khắc phục theo Giấy nộp tiền ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo còn phải nộp vào ngân sách nhà nước 315.261.111 đồng.

[8.2] Đối với số tiền 969.000.000 đồng mà ông Nguyễn Đăng K đã vay (tiền gốc) chưa trả cho bị cáo Trần Thanh T, Hội đồng xét xử buộc ông K phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[8.3] Quá trình điều tra, ông Nguyễn Đăng K khai sử dụng vốn vay nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Thanh T trả lại 2.826.305.556 đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng mà bị cáo thực tế đã thu của ông K (tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm).

[9] Việc xử lý vật chứng:

[9.1] Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 250.000.000 đồng mà bị cáo Trần Thanh T đã nộp theo Giấy nộp tiền ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9.2] Đối với 02 cuốn sổ tay, bên trong lưu thông tin liên quan đến việc cho vay tiền của bị cáo Trần Thanh T, là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Viện kiểm sát cho rằng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo Trần Thanh T đối với 05 hợp đồng vay vào các ngày 15/7/2017, 23/7/2017, 26/7/2017, 30/9/2017, 01/10/2017 (do thời điểm này Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật), là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Ngoài ra, quá trình điều tra cho thấy khi ông Nguyễn Đăng K chậm trả tiền lãi theo thỏa thuận, bị cáo Trần Thanh T đã có hành vi gọi điện, nhắn tin hăm dọa đòi tiền lãi, nhưng Viện kiểm sát xác định ngoài việc gọi điện, nhắn tin hăm dọa đòi tiền thì bị cáo không có hành vi nào khác đe dọa, ép buộc ông K phải đóng lãi cho bị cáo nên không có căn cứ để xử lý đối với bị cáo về hành vi cưỡng đoạt tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[12] Về án phí: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T** số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự».

Bị cáo Trần Thanh T có nghĩa vụ thi hành số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng để sung, nộp vào ngân sách nhà nước ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025.

Buộc bị cáo Trần Thanh T nộp lại 565.261.111 (năm trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm mười một) đồng (tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) để sung vào ngân sách nhà nước. Cấn trừ 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng mà bị cáo đã tự nguyện khắc phục theo Giấy nộp tiền ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo còn phải nộp vào ngân sách nhà nước 315.261.111 (ba trăm mười lăm triệu hai trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm mười một) đồng.

Buộc ông Nguyễn Đăng K nộp lại 969.000.000 (chín trăm sáu mươi chín triệu) đồng, là số tiền mà ông Nguyễn Đăng K đã vay chưa thanh toán cho bị cáo Trần Thanh T để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Thanh T trả lại ông Nguyễn Đăng K 2.826.305.556 (hai tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu ba trăm lẻ năm ngàn năm trăm năm mươi sáu) đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng mà bị cáo thực tế đã thu của ông Nguyễn Đăng K.

Kể từ ngày ông Nguyễn Đăng K có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Trần Thanh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Trần Thanh T còn phải trả ông Nguyễn Đăng K khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng theo Giấy nộp tiền ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Trần Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 3 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06 Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên